

kg. phòng SĐH.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *120*/TB-TCKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2017

THÔNG BÁO
Nộp học phí năm học 2016 - 2017

Kính gửi: Học viên Cao học khóa 23B

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH-TCKT ngày 31/05/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định mức thu học phí bậc đào tạo Sau đại học;

Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo đến các học viên cao học nộp học phí năm học 2016-2017 và nợ tồn đọng từ năm học trước. *Danh sách học phí của từng học viên các lớp được đính kèm thông báo này.*

Đề nghị các học viên nộp học phí đúng hạn, theo thời gian từ ngày 13/02/2017 tại Phòng Tài chính Kế toán của trường.

Trường hợp ở xa học viên có thể chuyển khoản về tài khoản của trường với thông tin như sau:

5. Tên đơn vị nhận tiền: **Trường Đại học Lâm nghiệp**
6. Số tài khoản: **8821100303003**
7. Tại ngân hàng: **Ngân hàng Quân đội – PGD Xuân Mai – Chi nhánh Tây Hà Nội**
8. Nội dung chuyển khoản: **Nộp học phí của HVCH.....lớp.....**

Mọi trường hợp sai sót, thắc mắc các học viên liên hệ với Phòng TCKT của trường để được giải quyết (Bà Dinh - 0975.772.027).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng ĐTSDH (phối hợp)



Trần Văn Chứ

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định mức thu học phí bậc đào tạo sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-SĐH ngày 25/8/1990 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Nghiên cứu sinh cho Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-SĐH ngày 12/12/1992 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận cuộc họp Ban hành mức thu học phí các bậc, hệ đào tạo năm học 2016-2017 tại Thông báo số 46/TB-ĐHLN-TCKT ngày 31/05/2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TCKT và Trưởng phòng Đào tạo SDH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối học viên cao học và nghiên cứu sinh, cụ thể như sau:

1. Đối với bậc đào tạo tiến sĩ

- Mức thu học phí của nghiên cứu sinh là: 1.675.000 đồng/tháng; thu 10 tháng/năm; mỗi năm thu một lần, tổng số năm thu học phí được tính theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

- Thời gian quá hạn so với quyết định nghiên cứu sinh phải nộp học phí bổ sung theo mức nêu trên và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo quy định cho tới khi bảo vệ xong Luận án Tiến sĩ.

2. Đối với bậc đào tạo thạc sỹ

a) Đối với đào tạo thạc sỹ bằng tiếng Anh:

Mức học phí của học viên cao học là: 3.000.000 đồng/tháng; thu 10 tháng/năm; mỗi năm thu một lần, tổng số năm thu học phí được tính theo quyết định trúng tuyển.

b) Đối với đào tạo thạc sỹ bằng tiếng Việt:

Mức thu học phí của học viên cao học là: 1.000.000 đồng/tháng; thu 10 tháng/năm; mỗi năm thu một lần, tổng số năm thu học phí được tính theo quyết định trúng tuyển.

c) Đối với các học viên phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định thì phải đóng học phí và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo quy định. Cụ thể:

+ Mức học phí học viên học bổ sung, học lại, học ghép được tính như sau:

STT	Nội dung	Đào tạo bằng tiếng Việt (đồng/tín chỉ)	Đào tạo bằng tiếng Anh (đồng/tín chỉ)
I	Học bổ sung, học lại		
1	Lớp 1 học viên	3.000.000	9.000.000
2	Lớp từ 2-5 học viên	1.600.000	4.800.000
3	Lớp từ 6-10 học viên	800.000	2.400.000
4	Lớp từ 11 học viên trở lên	500.000	1.500.000
II	Học ghép	500.000	1.500.000

+ Đối với học viên phải bảo vệ luận văn lần 2 hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định, mức học phí đóng bổ sung được xác định theo dự toán thực tế chi phí phát sinh.

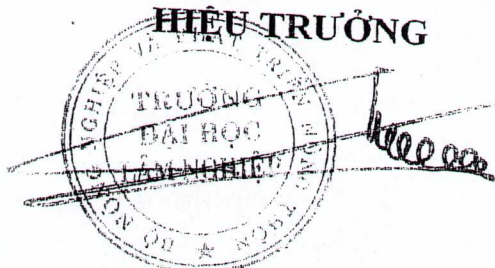
Điều 2. Mức thu học phí này được áp dụng kể từ ngày 01/06/2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước đây về mức thu học phí bậc sau đại học.

Điều 4. Trưởng các đơn vị trong Trường, Giám đốc Cơ sở 2, học viên cao học, các nghiên cứu sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *duy*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐ trường;
- Ban giám hiệu;
- Thanh tra trường;
- Cơ sở 2;
- Website trường;
- Lưu VT, TCKT, ĐTSĐH.



Trần Văn Chúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ CAO HỌC 23B - ĐỢT 2 NĂM 2015

Chuyên ngành: Lâm học

(Thu học phí theo QĐ 1032/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH-TCKT ngày 31/5/2016)

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
1	Mạc Mạnh Đăng	135.000	10	1.000.000	10.000.000	10.135.000				0	10.135.000
2	Nguyễn Văn Đạt	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
3	Phạm Văn Đức	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
4	Vấn Minh Đức	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
5	Trần Anh Hải	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
6	Nguyễn Thị Hòa	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
7	Vũ Thị Huyền	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
8	Lưu Thị Lan	135.000	10	1.000.000	10.000.000	10.135.000				0	10.135.000
9	Nguyễn Thị Loan	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
10	Nguyễn Thị Nga	135.000	10	1.000.000	10.000.000	10.135.000				0	10.135.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
11	Nguyễn Đức Nghĩa	135.000	10	1.000.000	10.000.000	10.135.000				0	10.135.000
12	Nguyễn Anh Quân	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
13	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
14	Lê Xuân Sơn	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000	09/12/2016	10.000.000		10.000.000	0
15	Nguyễn Thị Hương Thơm	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
16	Nguyễn Hữu Tranh	875.000	10	1.000.000	10.000.000	10.875.000	26/9/2016 ĐHNA CKKB	10.450.000		10.450.000	425.000
17	Phạm Kim Trọng	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
18	Nguyễn Văn Tuyền	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
	Cộng	33.655.000			180.000.000	213.655.000		20.450.000	0	20.450.000	193.205.000

Số tiền bằng số: Hai trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Kế toán theo dõi


Cao Thụy Đình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ CAO HỌC 23B - ĐỢT 2 NĂM 2015
Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
(Thu học phí theo QĐ 1032/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH-TCKT ngày 31/5/2016)

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
1	Phạm Ngọc An	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
2	Phan Thanh Bình	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
3	Nguyễn Đức Châu	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
4	Lê Thị Chiến	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
5	Lê Thị Chinh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
6	Trần Ngọc Chinh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
7	Hoàng Ngọc Cường	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
8	Trịnh Thị Đào	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
9	Trần Tiến Đạt	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
10	Trần Bình Định	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
11	Lê Thị Dịu	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
12	Lê Văn Đua	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
13	Bùi Thị Dung	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
14	Nguyễn Tuấn Dũng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
15	Nguyễn Văn Dương	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
16	Khúc Thị Hà	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
17	Cao Quý Hai	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
18	Chu Minh Hải	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
19	Trần Xuân Hải	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
20	Đỗ Thị Hân	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
21	Đậu Mạnh Hiệp	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
22	Vũ Hoàng Hiệp	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
23	Lương Khắc Hòa	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
24	Lưu Công Hoan	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
25	Nguyễn Đạt Hùng	4.485.000	10	1.000.000	10.000.000	14.485.000				0	14.485.000
26	Nguyễn Thế Hùng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
27	Trần Mạnh Hùng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
28	Đinh Duy Hưng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
29	Nguyễn Văn Hưng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
30	Đinh Diệu Hương	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
31	Đỗ Thị Hương	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
32	Lê Thị Mai Hương	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
33	Chu Mạnh Huy	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
34	Nguyễn Tự Huy	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
35	Nguyễn Ngọc Huyền	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
36	Trần Thị Khanh	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
37	Đinh Đức Kiên	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
38	Đoàn Ngọc Linh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
39	Nguyễn Khánh Linh	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
40	Nguyễn Thị Linh	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
41	Nguyễn Văn Lợi	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
42	Trịnh Tiến Lượng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
43	Trương Thị Xuân Mai	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
44	Trần Đức Mạnh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
45	Ngô Hoàng Minh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
46	Nguyễn Công Minh	9.485.000	10	1.000.000	10.000.000	19.485.000				0	19.485.000
47	Nguyễn Quang Nam	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
48	Đỗ Thị Nga	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
49	Nguyễn Thị Hương Nga	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
50	Đặng Thị Thanh Nga	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
51	Đặng Văn Ngọc	9.485.000	10	1.000.000	10.000.000	19.485.000				0	19.485.000
52	Nguyễn Thị Ngọc	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
53	Nguyễn Mậu Nhã	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
54	Đinh Công Nhật	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
55	Trịnh Tuyết Nhung	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
56	Lê Xuân Phi	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
57	Bùi Mai Phương	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
58	Nguyễn Ngọc Phương	135.000	10	1.000.000	10.000.000	10.135.000				0	10.135.000
59	Nguyễn Thu Phương	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
60	Tô Thị Yên Phương	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
61	Nguyễn Thị Phượng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
62	Nguyễn Anh Quân	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
63	Bùi Hữu Quyết	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
64	Hoàng Thị Thanh Quỳnh	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
65	Nguyễn Thị Sắc	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
66	Lê Quang Sơn	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
67	Nguyễn Sơn	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
68	Trần Anh Sơn	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
69	Nguyễn Đạt Thắng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
70	Nguyễn Văn Thắng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
71	Nguyễn Thị Thanh	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
72	Tạ Đình Thanh	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
73	Đặng Trung Thành	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
74	Nguyễn Đạt Thành	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
75	Trần Thị Thảo	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
76	Nguyễn Doãn Thạo	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
77	Lê Thị Thiệp	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
78	Bùi Văn Thoại	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
79	Hoàng Văn Thống	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
80	Hà Thị Thanh Thu	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
81	Phan Thị Anh Thu	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
82	Ngô Thu Thủy	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
83	Phạm Thị Minh Thủy	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
84	Ninh Thanh Tịnh	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
85	Lê Văn Toàn	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
86	Quách Mạnh Toàn	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
87	Nguyễn Ngọc Trà	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
88	Đới Thị Huyền Trang	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
89	Nguyễn Hà Trang	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
90	Vũ Thị Thu Trang	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
91	Đỗ Duy Trung	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
92	Lê Trung	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
93	Hoàng Hồng Trường	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
94	Tô Văn Trường	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
95	Nguyễn Minh Tú	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
96	Nguyễn Đức Tụ	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
97	Đoàn Mạnh Tuấn	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000
98	Hoàng Anh Tuấn	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng đ	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
99	Nguyễn Anh Tuấn	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
100	Phạm Quốc Tuấn	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
101	Đào Duy Tùng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
102	Mai Văn Tùng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
103	Nguyễn Văn Vân	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
104	Tô Thị Vân	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
105	Đỗ Văn Việt	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
106	Lê Đức Việt	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
107	Mai Văn Võ	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000
108	Phạm Tuấn Vũ	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
	Cộng	90.335.000			1.080.000.000	1.170.335.000		0	0	0	1.170.335.000

Số tiền bằng số: Một tỷ một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Kế toán theo dõi

Phạm
Cao Thùy Đình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ CAO HỌC 23B - ĐỢT 2 NĂM 2015

Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên rừng

(Thu học phí theo QĐ 1033/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH-TCKT ngày 31/5/2016)

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ	Ký tên
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp		
1	Nguyễn Hải Âu	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
2	Hồ Sỹ Bảo	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
3	Nguyễn Văn Cường	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
4	Nguyễn Hữu Hiến	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000	
5	Nguyễn Hữu Hưng	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000	
6	Đặng Quang Huy	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000	
7	Trần Đức Lợi	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000	
8	Trần Thị Hồng Ngọc	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
9	Dương Ngọc Nội	560.000	10	1.000.000	10.000.000	10.560.000				0	10.560.000	
10	Lê Thuận Thành	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
11	Đinh Văn Tùng	5.000.000	10	1.000.000	10.000.000	15.000.000				0	15.000.000	
	Cộng	32.800.000			110.000.000	142.800.000	0	0	0	0	142.800.000	

Số tiền bằng số: Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Kế toán theo dõi

(Chữ ký)

Cao Thụy Đình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ CAO HỌC 23B - BỔ SUNG ĐỢT 2 NĂM 2015
(Thu học phí theo QĐ 1032/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH-TCKT ngày 31/5/2016)

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
1	Nguyễn Thúy An	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
2	Đình Thế Anh	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
3	Trịnh Văn Cường	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
4	Trịnh Nam Hải	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
5	Bùi Thị Hào	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
6	Bùi Thị Hiền	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
7	Nguyễn Văn Hội	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
8	Nguyễn Việt Khoa	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
9	Huỳnh Thế Lợi	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
10	Nguyễn Thành Long	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
11	Nguyễn Văn Long	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
12	Vũ Thị Thanh Mai	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
13	Lê Quang Nghĩa	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
14	Nông Văn Sản	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
15	Nguyễn Công Sáng	515.000	10	1.000.000	10.000.000	10.515.000				0	10.515.000
16	Hoàng Ngọc Thắng	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000

TT	Họ và tên	Nợ cũ	Nộp Học phí lần 2				Theo dõi nộp				Còn nợ
			Tháng	Mức thu/tháng	Thành tiền	Tổng phải nộp	Ngày, tháng, Số BL	Số nộp lần 1	Số nộp lần 2	Tổng nộp	
17	Bùi Ngọc Thanh	9.575.000	10	1.000.000	10.000.000	19.575.000				0	19.575.000
18	Nguyễn Anh Trường	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
19	Đào Mạnh Tuấn	515.000	10	1.000.000	10.000.000	10.515.000				0	10.515.000
20	Nguyễn Anh Tuấn	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
21	Ngô Quốc Việt	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
22	Nguyễn Đức Việt	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
23	Nguyễn Hải Yến	9.575.000	10	1.000.000	10.000.000	19.575.000				0	19.575.000
24	Ninh Đức Luân	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
25	Nguyễn Đức Lượng	0	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000				0	10.000.000
26	Nguyễn Văn Hạ	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
27	Lê Thị Quỳnh Nga	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
28	Bùi Hồng Tư	425.000	10	1.000.000	10.000.000	10.425.000				0	10.425.000
	Cộng	28.680.000			280.000.000	308.680.000		0	0	0	308.680.000

Số tiền bằng số: Ba trăm linh tám triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Kế toán theo dõi

Thuy B

Cao Thuy' Dinh